

## BIỂU SỐ 26/2016

# THỐNG KÊ KIỂM SÁT VIỆC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN THEO THỦ TỤC XEM XÉT, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, KIẾN NGHỊ, KHÁNG NGHỊ ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

### I. KIỂM SÁT TRÌNH TỰ THỦ TỤC XEM XÉT GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, KIẾN NGHỊ, KHÁNG NGHỊ ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH VIỆC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

- **Dòng 1 (Số việc còn lại của kỳ trước):** Thống kê số việc còn lại trong kỳ thống kê trước (VKS đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án chuyển sang trong kỳ thống kê trước) nhưng Tòa án chưa giải quyết xong, chuyển sang kỳ thống kê này để giải quyết.

- **Dòng 2 (Số việc VKS mới nhận được thông báo thụ lý):** Thống kê số việc VKS mới nhận được thông báo thụ lý của Tòa án trong kỳ thống kê (khoản 2 điều 33 Pháp lệnh 09/2014/UBTVQH13).

- **Từ dòng 3 đến dòng 5:** Phân loại số việc VKS đã nhận được thông báo thụ lý bằng văn bản của Tòa án chuyển sang trong kỳ thống kê theo đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính cụ thể ( $D2 = D3 + D4 + D5$ )

- **Dòng 6 (Số việc Tòa án gửi thông báo thụ lý cho VKS không đúng thời hạn):** Thống kê số việc Tòa án gửi thông báo bằng văn bản cho VKS không đúng thời hạn (Điều 33 Pháp lệnh 09/2014/UBTVQH13) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 7 (Tổng số việc VKS thụ lý):** Thống kê tổng số việc VKS thụ lý kiểm sát trong kỳ thống kê ( $D7 = D1 + D2$ ).

- **Dòng 8 (Số việc Tòa án đã giải quyết):** Thống kê số việc Tòa án đã giải quyết xong ở cấp tố tụng này và Tòa án đã chuyển các quyết định đó sang VKS trong kỳ thống kê (hoặc VKS đã nắm được kết quả giải quyết việc đó trong kỳ thống kê do VKS tham gia phiên họp) ( $D8 = D9 + D11$ )

- **Dòng 9 (Số việc Tòa án ra quyết định đình chỉ việc xem xét khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị):** Thống kê số việc Tòa án ra quyết định đình chỉ xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định của Tòa án (khoản 9 điều 35 Pháp lệnh 09/2014/UBTVQH13).

- **Dòng 10 (Số việc đình chỉ do VKS rút kháng nghị):** Thống kê số việc Tòa án ra quyết định đình chỉ xem xét, giải quyết kháng nghị đối với quyết định của Tòa án do VKS rút kháng nghị.

- **Dòng 11 (Số việc Tòa án đã mở phiên họp):** Thống kê số việc Tòa án đã mở phiên họp xét khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị những quyết định của Tòa án cấp huyện trong kỳ thống kê.

- **Dòng 12 (Số việc VKS kháng nghị):** Thống kê số việc VKS kháng nghị mà TA đã mở phiên họp trong kỳ thống kê.

- **Dòng 13 (Số việc Tòa án chấp nhận kháng nghị của VKS):** Thống kê số việc Tòa án chấp nhận kháng nghị của VKS.

- **Dòng 14 (Số việc Tòa án giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp huyện):** Thống kê số việc TA không chấp nhận khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị và giữ nguyên quyết định của tòa án cấp huyện (khoản 1 Điều 35 PL 09/2014/UBTVQH13).

- **Dòng 15 (Số việc Tòa án chấp nhận một phần khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị; sửa quyết định của Tòa án cấp huyện):** Thống kê số việc Tòa án quyết định sửa một phần hoặc toàn bộ quyết định của tòa án cấp huyện (khoản 2 Điều 35 PL 09/2014/UBTVQH13).

- **Dòng 16 (Số việc Tòa án huỷ quyết định không chấp nhận áp dụng biện pháp xử lý hành chính và trả hồ sơ cho Tòa án cấp huyện):** Thống kê số việc Tòa án huỷ quyết định không chấp nhận áp dụng BPXLHC vi phạm pháp luật và trả hồ sơ cho TA cấp huyện (khoản 3 Điều 35 PL 09/2014/UBTVQH13).

- **Dòng 17 (Số việc Tòa án huỷ quyết định của Tòa án cấp huyện, đình chỉ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính):** Thống kê số việc Tòa án huỷ quyết định của TA cấp huyện đình chỉ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính khi có một trong các căn cứ quy định tại kl điều 15 PL 09 (khoản 4 Điều 35 PL 09/2014/UBTVQH13).

- **Dòng 18 (Số quyết định VKS đã kiểm sát):** Thống kê số quyết định của Tòa án đã chuyển sang VKS và VKS đã kiểm sát xong quyết định đó (có phiếu kiểm sát) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 19 (Số quyết định VKS phát hiện có vi phạm):** Thống kê số quyết định của Tòa án mà VKS đã kiểm sát và phát hiện có vi phạm về nội dung hoặc hình thức trong kỳ thống kê.

- **Dòng 20 (Số việc còn lại cuối kỳ chưa giải quyết):** Thống kê số việc mà VKS đã nhận được thông báo thụ lý nhưng Tòa án chưa giải quyết xong trong kỳ thống kê này và phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết tiếp.

- **Dòng 21 (Số bản kiến nghị của VKS với Tòa án trong quá trình xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với

Toà án về những vi phạm của Toà án trong kỳ thống kê (bản kiến nghị đã ban hành trong kỳ thống kê, còn vi phạm nêu trong bản kiến nghị có thể là vi phạm diễn ra trong kỳ hoặc có thể là vi phạm diễn ra từ kỳ trước; vi phạm có thể là về nội dung hoặc về hình thức).

- **Dòng 22 (Số bản kiến nghị của VKS đối với các cơ quan khác):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS về những vi phạm của các cơ quan khác trong quá trình kiểm sát xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính trong kỳ thống kê.

**II. KIỂM SÁT TRÌNH TỰ THỦ TỤC XEM XÉT GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, KIẾN NGHỊ,  
KHÁNG NGHỊ ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH VIỆC HOÃN, MIỄN CHẤP HÀNH, GIẢM THỜI HẠN, TẠM  
ĐÌNH CHỈ HOẶC MIỄN CHẤP HÀNH PHẦN THỜI GIAN ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH  
CHÍNH CÒN LẠI**

- **Dòng 23 (Số việc còn lại của kỳ trước):** Thống kê số việc còn lại trong kỳ thống kê trước (VKS đã nhận được thông báo thụ lý của Toà án trong kỳ thống kê trước) nhưng Toà án chưa giải quyết xong, chuyển sang kỳ thống kê này để giải quyết.

- **Dòng 24 (Số việc VKS mới nhận được thông báo thụ lý):** Thống kê số việc VKS mới nhận được thông báo thụ lý của Toà án trong kỳ thống kê (khoản 2 điều 33 Pháp lệnh 09/2014/UBTVQH13).

- **Từ dòng 25 đến dòng 26:** Phân loại số việc VKS đã nhận được thông báo thụ lý bằng văn bản của Toà án chuyển sang trong kỳ thống kê theo từng việc cụ thể (D24=D25+D26);

- **Dòng 27 (Số việc Tòa án gửi thông báo thụ lý cho VKS không đúng thời hạn):** Thống kê số việc Tòa án gửi thông báo bằng văn bản cho VKS không đúng thời hạn quy định (Điều 33 Pháp lệnh 09/2014/UBTVQH13) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 28 (Tổng số việc VKS thụ lý):** Thống kê số việc VKS phải kiểm sát trong kỳ thống kê, bao gồm: Dòng 23+Dòng 24.

- **Dòng 29 (Số việc Tòa án đã giải quyết):** Thống kê số việc Tòa án đã giải quyết xong ở cấp tố tụng này và Tòa án đã chuyển các quyết định đó sang VKS trong kỳ thống kê (hoặc VKS đã nắm được kết quả giải quyết việc đó trong kỳ thống kê do VKS tham gia phiên họp) (D30=D31+D33 = D31 + D36 + D37 + D38 +D39+D40).

- **Dòng 30 (Số việc Tòa án ra QĐ đình chỉ việc xem xét khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị):** Thống kê số việc Tòa án ra quyết định đình chỉ xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định của Tòa án (khoản 9 điều 35 Pháp lệnh 09/2014/UBTVQH13).

- **Dòng 31 (Số việc đình chỉ do VKS rút kháng nghị):** Thống kê số việc Tòa án ra quyết định đình chỉ xem xét, giải quyết kháng nghị đối với quyết định của Tòa án do VKS rút kháng nghị

- **Dòng 32 (Số việc Tòa án đã mở phiên họp):** Thống kê số việc Tòa án đã mở phiên họp xét khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị những quyết định của Tòa án cấp huyện trong kỳ thống kê.

- **Dòng 33 (Số việc VKS kháng nghị):** Thống kê số việc VKS kháng nghị mà Tòa án đã mở phiên họp trong kỳ thống kê.

- **Dòng 34 (Số việc Tòa án chấp nhận kháng nghị của VKS):** Thống kê số việc Tòa án chấp nhận kháng nghị của VKS.

- **Dòng 35 (Số việc Tòa án giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp huyện):** Thống kê số việc Tòa án không chấp nhận khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị và giữ nguyên quyết định của tòa án cấp huyện (khoản 1 Điều 35 PL 09/2014/UBTVQH13).

- **Dòng 36 (Số việc Tòa án hủy quyết định hoãn, miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính và buộc chấp hành biện pháp xử lý hành chính):** Thống kê số việc Tòa án hủy quyết định hoãn, miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính và buộc chấp hành biện pháp xử lý hành chính khi không có căn cứ quy định tại điều 111 của Luật xử lý vi phạm hành chính (khoản 5 Điều 35 PL 09/2014/UBTVQH13).

- **Dòng 37 (Số việc Tòa án hủy quyết định không chấp nhận việc hoãn, miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính và chấp nhận đề nghị hoãn, miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính):** Thống kê số việc Tòa án hủy quyết định không chấp nhận việc hoãn, miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính và chấp nhận đề nghị hoãn, miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính khi có căn cứ quy định tại điều 111 của Luật xử lý vi phạm hành chính (khoản 6 Điều 35 PL 09/2014/UBTVQH13).

- **Dòng 38 (Số việc Tòa án hủy quyết định giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại):** Thống kê số việc Tòa án hủy quyết định giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án cấp huyện khi quyết định giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại không đúng với quy định tại Điều 112 của Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 27 của Pháp lệnh này (quy định tại khoản 7 Điều 35 PL 09/2014/UBTVQH13).

- **Dòng 39 (Số việc Tòa án hủy quyết định không chấp nhận đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại và quyết định giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại):** Thống kê số việc Tòa án hủy quyết định không chấp nhận đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ, hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án cấp huyện và quyết định việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại khi có căn cứ quy định tại Điều 112 của Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 27 của Pháp lệnh này (khoản 8 Điều 35 PL 09/2014/UBTVQH13).

- **Dòng 40 (Số quyết định VKS đã kiểm sát):** Thống kê số quyết định của Tòa án đã chuyển sang VKS và VKS đã kiểm sát xong quyết định đó (có phiếu kiểm sát) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 41 (Số quyết định VKS phát hiện có vi phạm):** Thống kê số quyết định của Tòa án mà VKS đã kiểm sát và phát hiện có vi phạm về nội dung hoặc hình thức trong kỳ thống kê.

- **Dòng 42 (Số việc còn lại cuối kỳ chưa giải quyết):** Thống kê số việc mà VKS đã nhận được thông báo thụ lý nhưng Tòa án chưa giải quyết xong trong kỳ thống kê này và phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết tiếp.

- **Dòng 43 (Số bản kiến nghị của VKS với Tòa án trong quá trình xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án về những vi phạm của Tòa án trong kỳ thống kê (bản kiến nghị đã ban hành trong kỳ thống kê, còn vi phạm nêu trong bản kiến nghị có thể là vi phạm diễn ra trong kỳ hoặc có thể là vi phạm diễn ra từ kỳ trước; vi phạm có thể là về nội dung hoặc về hình thức).

- **Dòng 44 (Số bản kiến nghị của VKS đối với các cơ quan khác):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS về những vi phạm của các cơ quan khác trong quá trình kiểm sát xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại trong kỳ thống kê.